

**Look, listen and repeat. (Nhìn, nghe và đọc lại.)****Bài nghe:**

a) Oh, your T-shirt is very nice!

Thank you.

b) I want a T-shirt like that.

You can buy it in the supermarket.

c) Excuse me. Can I have a look at that T-shirt?

Sure. Here you are.

d) How much is it?

It's 50.000 dong.

**Hướng dẫn dịch:**

- Chúng ta sẽ dùng "Excuse me" khi chúng ta muốn nhận được sự giúp đỡ của ai đó hay hỏi thông tin từ ai đó. Sau khi đã nhận được trợ giúp/thông tin thì chúng ta có thể dùng "Thanks/Thank you".

- Dùng "thousand" (nghìn) khi chúng ta nói về những con số có 4 hoặc năm 5 chữ số.

Ví dụ: 5,000 dong (five thousand dong), 50,000 dong (fifty thousand dong).

- Còn số có 6 chữ số thì chúng dùng "hundred" (trăm)

Ví dụ: 155,000 dong (one hundred fifty thousand dong).

a) Ôi, áo phong của bạn rất đẹp!

Cảm ơn.

b) Tôi muốn mua một cái áo phong giống đó.

Bạn có thể mua nó ở trong siêu thị.

c) Xin lỗi. Cháu có thể xem cái áo phong đó không?

Chắc chắn rồi. Cháu xem đi.

d) Nó bao nhiêu tiền?

Nó 50,000 đồng.

**Point and say. (Chỉ và nói.)**

a) How much is the scarf?

It's 10.000 dong.

b) How much is the blouse?

It's 70.000 dong.

c) How much is the jacket?

It's 70.000 dong.

d) How much is the skirt?

It's 60.000 dong.

e) How much is the jumper?

It's 80.000 dong.

**Hướng dẫn dịch:**

a) Cái khăn quàng bao nhiêu tiền?

Nó 10,000 đồng.

b) Cái áo cánh bao nhiêu tiền?

Nó 70,000 đồng.

c) Cái áo khoác bao nhiêu tiền?

Nó 70,000 đồng.

d) Cái váy bao nhiêu tiền?

Nó 60,000 đồng.

e) Cái áo len bao nhiêu tiền?

Nó 80,000 đồng.

**Listen and tick. (Nghe và đánh dấu tick.)**

**Bài nghe:**

a. 3	b. 1	c. 2
------	------	------

1.

**Mai:** This yellow jacket is very nice.

**Linda:** Yes, it is.

**Mai:** Excuse me. How much is it?

**Sales assistant:** It's 50.000 dong.

2.

**Nam:** Excuse me. Can I have look at the orange T-shirt, please? **Sales assistant:** Here you are.

**Nam:** How much is it?

**Sales assistant:** It's 60.000 dong.

3.

**Mai:** Excuse me. Can I see that blue jumper, please?

**Sales assistant:** Here you are.

**Nam:** How much is it?

**Sales assistant:** It's 40.000 dong.

**Hướng dẫn dịch:**

1.

**Mai:** Chiếc áo khoác màu vàng này rất đẹp.

**Linda:** Vâng, đúng vậy.

**Mai:** Xin lỗi. Cái này giá bao nhiêu?

**Trợ lý bán hàng:** 50.000 đồng

2.

**Nam:** Xin lỗi. Tôi có thể xem chiếc áo phông màu cam được không?

**Trợ lý bán hàng:** Đây ạ.

**Nam:** Giá bao nhiêu vậy?

**Trợ lý bán hàng:** 60.000 đồng ạ.

3.

**Mai:** Xin lỗi. Tôi có thể xem cái váy xanh đỏ không?

**Trợ lý bán hàng:** Đây ạ.

**Nam:** Giá bao nhiêu?

**Trợ lý bán hàng:** 40.000 đồng ạ.

**Look and write. (Nhìn và viết.)**

2. The yellow jumper is forty thousand dong.

3. The red jacket is sixty thousand dong.

4. The green skirt is seventy thousand dong.

5. The pink blouse is fifty thousand dong.

**Hướng dẫn dịch:**

1. Áo len màu vàng là bốn mươi ngàn đồng (40,000 đồng).

2. Áo khoác màu đỏ là sáu mươi ngàn đồng (60,000 đồng).

3. Váy màu xanh là bảy mươi ngàn đồng (70,000 đồng).

4. Áo cánh là năm mươi ngàn đồng (50,000 đồng).

**Let's play. (Chúng ta cùng chơi.)**

Pelmanism (Phương pháp Penman - luyện trí nhớ)

**Hướng dẫn:** Cách chơi đơn giản: học sinh lật một số, mỗi số tương ứng với một tranh hay từ. Học sinh cần phải ghi nhớ thứ tự từng tranh và từ để có thể lật số trùng khớp với nhau.